

Vai trò của báo chí trong truyền thông về rối loạn phổ tự kỷ

Ngày nhận bài: 28/09/2025 | Ngày phản biện: 30/09/2025 | Ngày xuất bản: 17/11/2025

Tác giả: Trần Thị Toàn (Tạp chí điện tử Nhân lực Nhân tài Việt)

Tóm tắt: Bài viết sử dụng cách tiếp cận truyền thông vì sự phát triển và thuyết kiến tạo xã hội nhằm phân tích vai trò của báo chí trong truyền thông về rối loạn phổ tự kỷ (ASD). Nghiên cứu đối sánh thực trạng truyền thông quốc tế (chuyển dịch từ mô hình y tế sang đa dạng thần kinh) với thực tiễn tại Việt Nam. Kết quả cho thấy báo chí đã góp phần nâng cao nhận thức nhưng vẫn định khung ASD chủ yếu là vấn đề y tế hoặc gánh nặng gia đình, dẫn đến định kiến và kỳ thị kéo dài. Người tự kỷ và gia đình vắng bóng tiếng nói, trong khi giới chuyên môn chiếm ưu thế và ít ý kiến từ cơ quan nhà nước. Định khung thông tin tác động khiến công chúng kỳ vọng người tự kỷ phải hòa nhập hơn là kêu gọi cộng đồng điều chỉnh. Báo chí nên cải thiện cách đưa tin theo mô hình xã hội về khuyết tật, đề cao tiếng nói của người trong cuộc và giảm thiểu giật gân. Bài viết đề xuất ba vai trò trọng tâm là Kiến tạo chính sách, Trao quyền tiếng nói và Cung cấp thông tin nhân văn, nhằm thúc đẩy nhận thức và chính sách hỗ trợ bền vững.

1. Đặt vấn đề

Rối loạn phổ tự kỷ (Autism Spectrum Disorder - ASD) là một dạng rối loạn phát triển thần kinh ảnh hưởng đến giao tiếp, tương tác xã hội và hành vi, tỷ lệ ngày càng gia tăng trên toàn cầu⁽¹⁾. Năm 2025, số liệu được công bố thế giới có khoảng 1% trẻ em sinh ra mắc ASD và ở Việt Nam có khoảng 1 triệu người tự kỷ, chiếm gần 1/6 trong 6,2 triệu người khuyết tật⁽²⁾. Liên Hợp Quốc công nhận Tự kỷ là vấn đề cần quan tâm đặc biệt, thể hiện qua Ngày Thế giới Nhận thức về Tự kỷ (2/4) hằng năm nhằm kêu gọi tăng cường nhận thức và hỗ trợ cho người tự kỷ trên phạm vi toàn cầu⁽³⁾.

Bên cạnh những nỗ lực y tế và giáo dục chuyên biệt, truyền thông đại chúng, đặc biệt là báo chí, được coi là kênh chủ lực để nâng cao nhận thức của công chúng về ASD. Công chúng thường tiếp cận thông tin về tự kỷ chủ yếu qua các phương tiện truyền thông báo in, truyền hình, phát thanh hoặc báo điện tử⁽⁴⁾. Cách thức báo chí đưa tin, định khung vấn đề, lựa chọn thuật ngữ và nhân vật đại diện tác động đến cách xã hội nhìn nhận về người tự kỷ. Họ là nhóm xã hội cần được hỗ trợ và tôn trọng hay chỉ là những cá nhân bất thường cần được chữa trị hoặc thương cảm. Báo chí có thể đóng góp tích cực thông qua phổ biến kiến thức khoa học đúng đắn, chia sẻ câu chuyện thành công, đấu tranh chống kỳ thị. Ngược lại, báo chí có thể là rào cản, thậm chí gây hại nếu đưa tin sai lệch như lan truyền tin giả về nguyên nhân và cách chữa tự kỷ hoặc khắc họa người tự kỷ bằng những khuôn mẫu tiêu cực, thiếu nhân văn⁽⁵⁾. Lý thuyết truyền thông vì sự phát triển nhấn mạnh truyền thông nên phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững của cộng đồng⁽⁶⁾, bao gồm việc cải thiện phúc lợi cho nhóm yếu thế như người khuyết tật. Như vậy, hiện thực về tự kỷ không hoàn toàn mang tính chất cố định mà được định hình qua diễn ngôn xã hội. Trong đó, báo chí là thiết chế quan trọng tham gia kiến tạo ý nghĩa về tự kỷ trong nhận thức công chúng. Báo chí vừa phản ánh, vừa tạo dựng câu chuyện xã hội về tự kỷ, việc coi đó là gánh nặng y tế hay sự đa dạng cần bao dung phụ thuộc nhiều vào nội dung và giọng điệu của tin, bài. Bài viết sử dụng phương pháp tổng thuật tài liệu được sử dụng nhằm luận chứng về các lý thuyết, bằng chứng thực nghiệm. đánh giá vai trò và thực trạng truyền thông về tự kỷ trên báo chí. Từ đó đề xuất các giải pháp để báo chí có thể phát huy vai trò tích cực, nhân văn và bao trùm hơn. Bài viết khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tính nhân văn trong truyền thông về tự kỷ, góp phần thúc đẩy nhận thức và chính sách hỗ trợ người tự kỷ một cách bền vững.

2. Thực trạng vai trò truyền thông về tự kỷ trên báo chí thế giới

Truyền thông về tự kỷ trên thế giới diễn ra như một phổ từ bi kịch cần chữa trị đến đa dạng cần bao dung. Khi nhận thức chung về tự kỷ còn thấp, báo chí ở nhiều nước phương Tây thường mô tả tự kỷ như căn bệnh bí ẩn hoặc bi kịch gia đình. Các kết quả phân tích nội dung các tờ báo lớn của Mỹ (The New York Times, Washington Post) giai đoạn 1996 - 2006 cho thấy khung câu chuyện nhân văn chiếm ưu thế với 63% số bài gắn với hoàn cảnh éo le và cảm xúc của cá nhân hoặc gia đình người tự kỷ⁽⁷⁾. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy có 47% tin bài khung chính sách về nỗ lực lập

pháp, dịch vụ công, quỹ hỗ trợ và 44% theo khung khoa học về nguyên nhân, trị liệu⁽⁸⁾, các kết quả này cho thấy ngay từ sớm báo chí đã thể hiện là thiết chế kiến tạo xã hội. Ngay từ thời kỳ này, truyền thông Mỹ đã bắt đầu phản ánh nhu cầu chính sách và ý tưởng đa dạng thần kinh, nghĩa là coi tự kỷ như một dạng khác biệt bẩm sinh cần được xã hội chấp nhận thay vì chỉ tìm cách chữa khỏi⁽⁹⁾. Theo McKeever (2013), thông qua những bài báo khung chính sách, báo chí đã góp phần thúc đẩy chấp nhận đa dạng thần kinh theo mô hình xã hội về khuyết tật. Thay vì ép người tự kỷ phải bình thường hóa thì xã hội nên điều chỉnh để trao quyền và tạo cơ hội bình đẳng cho họ⁽¹⁰⁾.

Mặc dù có sự chuyển dịch, nhưng hình ảnh người tự kỷ trên truyền thông đại chúng vẫn mang nặng màu sắc đáng thương hoặc khác thường. Trên truyền hình và phim ảnh, người tự kỷ thường được khắc họa theo hai khuôn mẫu phổ biến thiên tài lập dị hoặc trẻ mãi không lớn cần người chăm sóc suốt đời⁽¹¹⁾. Hungerford và cộng sự (2025)⁽¹²⁾ chỉ ra, người tự kỷ thường xuất hiện trên báo chí truyền thông như tình tiết phụ gây cười hoặc lấy nước mắt, ngây thơ như trẻ con, thiếu năng trí tuệ, thần thánh hóa năng lực đặc biệt hoặc bị xem là nhân vật phụ hoặc miệt thị như bị kỳ thị về trí tuệ. Những định kiến này vừa phóng đại, vừa tối giản những thách thức người tự kỷ gặp phải, dẫn đến định kiến và kỳ thị được củng cố; bản thân người tự kỷ và gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực về sức khỏe tinh thần do cảm thấy bị hiểu lầm, chế giễu⁽¹³⁾. Những hình ảnh tiêu cực hay giật gân như gắn tự kỷ với bạo lực qua các vụ việc giật tít có thể làm công chúng lo sợ và xa lánh người tự kỷ hơn⁽¹⁴⁾.

Từ 2010 trở lại đây truyền thông có những bước thay đổi tích cực qua tần suất đăng tải. Nghiên cứu ở Trung Quốc cho thấy lượng tin bài về tự kỷ trên báo chí tăng đáng kể từ 2003 đến 2012⁽¹⁵⁾. Tại các nước phương Tây, số lượng bài báo, chương trình truyền hình về tự kỷ tăng mạnh vào tháng 4 (gần Ngày nhận thức về tự kỷ) hoặc khi có các sự kiện nổi bật. Tự kỷ được đưa vào dòng thông tin chính giúp tự kỷ không còn xa lạ; nhiều bộ phim tài liệu, chương trình truyền hình thực tế về tự kỷ và các nhân vật tự kỷ có mặt trong phim ảnh giải trí nhiều hơn⁽¹⁶⁾. Xu hướng này được đánh giá là mở ra cơ hội ảnh hưởng tích cực đến thái độ cộng đồng khi nội dung chính xác và tôn trọng⁽¹⁷⁾.

Báo chí dần chuyển sang khung nhân quyền và đa dạng khi nói về tự kỷ. Các tờ báo lớn ở Anh, Mỹ⁽¹⁸⁾ bắt đầu đăng tải bài viết của người tự kỷ trưởng thành kể về trải

nghiệm của chính họ hoặc bài phỏng vấn chuyên gia nhưng nhấn mạnh thông điệp chấp nhận sự khác biệt. Trong các diễn ngôn này, tự kỷ được mô tả như một phần của đa dạng thần kinh tự nhiên, giống như đa dạng về tính cách hay văn hóa, thay vì căn bệnh hoàn toàn tiêu cực cần loại bỏ. Sự chuyển dịch này được củng cố bởi phong trào Đa dạng thần kinh, khởi nguồn từ cuối thập niên 1990, khi Judy Singer (2016) ⁽¹⁹⁾ đề xuất khái niệm này nhằm kêu gọi nhìn nhận các khác biệt thần kinh như một phần bình thường và có giá trị của sự đa dạng con người. Theo đó, người tự kỷ nên được tôn trọng với những khả năng, nhu cầu riêng và xã hội cần tạo điều kiện để họ phát huy thế mạnh thay vì ép họ thành bình thường ⁽²⁰⁾. Việc này giúp cải thiện hiểu biết của công chúng rằng tự kỷ không đồng nghĩa với kém cỏi mà là não bộ phát triển khác biệt.

Phân tích báo chí ở nhiều quốc gia cho thấy hình ảnh người tự kỷ trên báo chí vẫn thiên về tiêu cực và khiếm khuyết. Nghiên cứu của Wodziński và cộng sự (2025) về báo chí Ba Lan giai đoạn 2009 - 2020 cho thấy 41,6% ⁽²¹⁾ bài báo có giọng điệu tiêu cực, tập trung vào khó khăn, khiếm khuyết của người tự kỷ, mô tả tự kỷ, mô tả tự kỷ chủ yếu dưới lăng kính y khoa. Các nghiên cứu ở Anh, Úc ⁽²²⁾, Mỹ ⁽²³⁾ cũng ghi nhận báo chí thường dùng mô tả bệnh lý hóa về tự kỷ, nhấn mạnh vào chẩn đoán, bệnh trạng và giải pháp y tế hơn là nói về thích nghi xã hội hay thành tựu của người tự kỷ. Tiếng nói của người tự kỷ mờ nhạt ngay cả ở các nước phát triển, tỷ lệ bài báo có người tự kỷ tự phát biểu dưới 5% ⁽²⁴⁾. Phần lớn thông tin vẫn từ người không tự kỷ (bác sĩ, phụ huynh, giáo viên, nhà hảo tâm...) ⁽²⁵⁾ ⁽²⁶⁾, tạo nên góc nhìn một chiều rằng người tự kỷ chỉ được nói về, ít được nói bằng tiếng nói của mình, dẫn đến hiểu biết của xã hội dễ thiên lệch và thiếu chiều sâu.

Bối cảnh văn hóa - chính trị như biến số can thiệp tạo nên sự khác biệt tương ứng trong cách báo chí phản ánh và kiến tạo về tự kỷ và người tự kỷ. Nghiên cứu so sánh báo chí Trung Quốc và Mỹ (Bie & Tang, 2015) ⁽²⁷⁾ cho thấy báo Trung Quốc thường né tránh bình luận chính sách, ít chỉ trích chính phủ thiếu hỗ trợ, trong khi, báo chí Mỹ trích dẫn cả quan chức và nhấn mạnh trách nhiệm chính quyền trong việc ban hành đạo luật như Đạo luật phòng chống tự kỷ năm 2006 ⁽²⁸⁾.

Báo chí Trung Quốc được ghi nhận thường chọn cách tường thuật các câu chuyện tự kỷ như chuyện riêng tư trong gia đình. Hệ quả là ít thấy nhu cầu chính phủ can thiệp và

gia đình người tự kỷ cũng ít đòi hỏi quyền lợi công cộng⁽²⁹⁾. Nghiên cứu của Someki và cộng sự (2018)⁽³⁰⁾ nhận thấy sinh viên Nhật Bản có thái độ kỳ thị người tự kỷ cao hơn sinh viên Mỹ. Điều này được lý giải một phần do báo chí và văn hóa Nhật ít đề cập theo hướng đa dạng hòa nhập mà vẫn xem tự kỷ là bi kịch xấu hổ cần giấu giếm. Những khác biệt này cho thấy báo chí chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh văn hóa – chính trị, trong xã hội Á Đông, quan niệm danh dự gia đình có thể tác động đến việc báo chí đề cao sự hy sinh của cha mẹ và tiếng nói của người tự kỷ mờ nhạt hơn để giữ thể diện⁽³¹⁾. Tuy nhiên, gần đây báo chí bắt đầu đăng tải quan điểm về mô hình xã hội của khuyết tật góp phần từng bước giảm kỳ thị.

Như vậy, báo chí vừa phản ánh nhận thức xã hội đương đại về tự kỷ, vừa dẫn dắt nhận thức tương lai theo hướng tích cực hoặc tiêu cực. Báo chí thế giới cùng tồn tại cả định kiến về tự kỷ và cả nỗ lực khung vấn đề theo hướng nhân quyền, đa dạng góp phần thay đổi cách nhìn. Quan sát này gợi ý định hình cho báo chí Việt Nam về những điểm cần tăng cường và khắc phục khi đưa tin về tự kỷ, nhằm hướng tới mục tiêu truyền thông phát triển.

3. Thực trạng vai trò truyền thông về tự kỷ trên báo chí Việt Nam

Tự kỷ, từ “chuyện lạ” đã trở thành vấn đề xã hội trong khoảng 2 thập kỷ qua tại Việt Nam khi khái niệm tự kỷ mới được biết đến rộng rãi trong khoảng hơn 15 năm trở lại đây. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Yến Khanh (2023), trước thập niên 2000, chứng tự kỷ hầu như chưa được phân loại chính thức trong các tài liệu y tế tại Việt Nam; nhiều trẻ có đặc điểm tự kỷ bị chẩn đoán nhầm là chậm phát triển trí tuệ, tăng động hoặc mắc bệnh tâm thần khác. Trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng về y khoa và giáo dục đặc biệt, cụm từ “Rối loạn phổ tự kỷ” bắt đầu xuất hiện trên truyền thông đại chúng, dần lan rộng vào công luận. Một số câu chuyện cá nhân – tiêu biểu là trường hợp một người mẹ ở Hà Nội mở trung tâm can thiệp cho con tự kỷ và được báo chí ca ngợi như mẹ chiến binh đã thu hút sự chú ý và góp phần định hình hình ảnh mẫu mực lan truyền. Từ đó, tự kỷ dần chuyển từ một khái niệm xa lạ thành đề tài xã hội được công chúng nhận diện⁽³²⁾.

Tuy nhiên, nhận thức của cộng đồng và gia đình về tự kỷ nhìn chung còn nhiều thiếu hụt và hiểu lầm. Đến 2018, đa số phụ huynh Việt Nam vẫn thiếu kiến thức về dấu hiệu

sớm của tự kỷ, dẫn đến việc chẩn đoán thường bị trì hoãn đến khi trẻ 3-5 tuổi hoặc muộn hơn. Thậm chí, vẫn lầm tưởng tự kỷ là do cha mẹ nuôi dạy sai cách hoặc do trẻ chậm nói sẽ tự hết, nên không tìm đến hỗ trợ chuyên môn kịp thời⁽³³⁾. Thêm vào đó, các quan niệm kỳ thị như xem tự kỷ là bệnh tâm thần hoặc người điên vẫn xuất hiện không ít trên mạng xã hội và trong cách nói dân gian. Những hiểu lầm này phản ánh định kiến văn hóa đã ăn sâu trong đời sống xã hội và tiếp tục tái hiện trên truyền thông số, nơi nhiều bình luận trực tuyến vẫn đánh đồng tự kỷ với trạng thái điên loạn hoặc bất thường⁽³⁴⁾. Thực trạng này đòi hỏi báo chí cần đấu tranh với các định kiến và khuôn mẫu tiêu cực, không chỉ phổ biến tri thức y tế mà còn phải vận động chính sách xã hội. Trong bối cảnh đó, báo chí đứng trước nhiệm vụ vừa phải phổ cập tri thức mới⁽³⁵⁾ về tự kỷ cho công chúng, vừa phải đấu tranh với định kiến văn hóa ăn sâu bám rễ như tâm lý nhiều gia đình giấu con tự kỷ vì sợ tai tiếng, từng bước vận động xã hội nhìn nhận tự kỷ dưới lăng kính nhân quyền và hòa nhập.

Về mặt chính sách, Luật Người khuyết tật năm 2010 không nêu cụ thể chứng tự kỷ như một dạng khuyết tật riêng mà xếp chung vào nhóm khuyết tật khác⁽³⁶⁾. Điều này dẫn đến tình trạng trẻ tự kỷ không được hưởng các chính sách hỗ trợ đặc thù như trẻ khuyết tật trí tuệ hoặc khuyết tật vận động vì không có chế độ miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội dành riêng⁽³⁷⁾. Tuy nhiên, sự ra đời của Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH chính thức xác định rối loạn phổ tự kỷ thuộc nhóm khuyết tật khác⁽³⁸⁾ có hiệu lực từ 15/3/2019 là thành quả sau nhiều năm nỗ lực vận động của các cơ quan chức năng và các phụ huynh có con tự kỷ⁽³⁹⁾. Dù vậy, vì vẫn là khuyết tật khác cho nên các quyền lợi cụ thể của người tự kỷ chưa được quy định rõ ràng như các dạng khuyết tật như khiếm thính, khiếm thị⁽⁴⁰⁾. Tính đến năm 2025, còn nhiều khoảng trống chính sách và rào cản xã hội, phần lớn trẻ tự kỷ chưa được can thiệp sớm đúng mức, giáo dục hòa nhập gặp khó khăn do thiếu giáo viên hỗ trợ và gia đình chịu gánh nặng kinh tế lớn vì các dịch vụ can thiệp chủ yếu do tư nhân cung cấp với chi phí cao⁽⁴¹⁾. Các khoảng trống này là mục tiêu chính của báo chí trong vai trò vận động chính sách. Khung vấn đề trong truyền thông về tự kỷ trên báo chí ở Việt Nam còn có những hạn chế nhất định khi vẫn nặng về khung y tế/bệnh tật và khung gánh nặng gia đình. Trong 11 năm (2006-2016), tỷ lệ tiếng nói trực tiếp là từ chính người tự kỷ và gia đình chỉ chiếm dưới 3%, trong khi các chuyên gia y tế, giáo dục và người không tự kỷ chiếm tỷ lệ áp đảo⁽⁴²⁾. Khi tiếng nói của người trong cuộc còn chênh lệch rõ rệt như vậy để

tạo nên góc nhìn một chiều, đặt áp lực phải bình thường hóa lên người tự kỷ, đồng thời cho thấy báo chí chưa khai thác triệt để vai trò vận động chính sách.

Như vậy, báo chí vừa phản ánh nhận thức xã hội đương đại về tự kỷ, vừa dẫn dắt nhận thức tương lai theo hướng tích cực hoặc tiêu cực. Báo chí thế giới cùng tồn tại cả định kiến về tự kỷ và cả nỗ lực khung vấn đề theo hướng nhân quyền, đa dạng góp phần thay đổi cách nhìn. Quan sát này gợi ý cho Việt Nam về việc báo chí nên và không nên làm gì khi đưa tin về tự kỷ, nhằm hướng tới mục tiêu truyền thông phát triển.

4. Kết luận và khuyến nghị

Báo chí đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy thay đổi tích cực đối với nhận thức và chính sách về tự kỷ khi phát huy đúng hướng. Sự chuyển dịch định khung vấn đề trên báo chí quốc tế từ y tế sang nhân quyền cho thấy vai trò kiến tạo xã hội của truyền thông. Từ kết quả tổng thuật nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam, bài viết gợi mở một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của báo chí truyền thông hiệu quả về rối loạn phổ tự kỷ:

Báo chí nên mở rộng nội dung sang khung về chính sách và giải pháp xã hội hơn là chỉ kể câu chuyện cá nhân. Đây là vai trò trọng tâm của báo chí trong giai đoạn hiện nay. Những bài viết điều tra, phóng sự dài kỳ về hệ thống giáo dục đặc biệt, về tình trạng thiếu dịch vụ can thiệp ở các địa phương hoặc phỏng vấn các nhà hoạch định chính sách về kế hoạch hỗ trợ người tự kỷ... sẽ giúp đưa vấn đề lên tầm vĩ mô. Khi công luận thảo luận chính sách, áp lực cải thiện sẽ tăng và đây chính là cách báo chí thực hiện chức năng can thiệp xã hội theo tinh thần lý thuyết truyền thông phát triển⁽⁴³⁾. Cần phát huy vai trò của báo chí trong vận động chính sách như thúc đẩy sửa đổi Luật Người khuyết tật nhằm bổ sung người tự kỷ vào nhóm huyết tật phát triển tăng quyền lợi cho người tự kỷ hay xây dựng chính sách đào tạo giáo viên chuyên biệt để lấp đầy khoảng trống chính sách hiện có.

Tăng cường đưa tiếng nói thứ nhất của người tự kỷ và gia đình vào truyền thông là giải pháp then chốt xóa bỏ định kiến và kiến tạo diễn ngôn về tự kỷ trên báo chí trở nên tích cực và chân thực hơn⁽⁴⁴⁾. Tăng cường tiếng nói từ người trong cuộc không chỉ về tự kỷ mà còn trải nghiệm cuộc sống nói chung để công chúng thấy họ là những con người đa chiều, không chỉ hội chứng mắc phải⁽⁴⁵⁾. Các nhà báo cần chuyển từ việc

coi người tự kỷ là đối tượng được nói đến sang chủ thể tự trình bày. Những bài viết dạng Người tự kỷ kể chuyện của mình sẽ giúp xóa bỏ nhiều ngộ nhận và tăng sự thấu hiểu. Các phụ huynh có nhận thức tiến bộ cũng nên được tạo cơ hội nói lên quan điểm không chỉ chia sẻ cảm xúc cá nhân mà cả đề xuất thay đổi. Có thể khai thác blog, làm video nguồn nội dung từ người tự kỷ và gia đình họ trên nền tảng mạng xã hội để giới thiệu rộng rãi hơn. Khi viết về nhân vật tự kỷ cần tránh lối viết kiểu dành lời thoại cho nhân vật nhưng thực ra là để minh họa cho luận điểm của phóng viên⁽⁴⁶⁾. Thực sự lắng nghe và truyền tải trung thực tiếng nói của người tự kỷ, dù có thể khác biệt hay khó hiểu đôi chút nhưng chính sự chân thực mới làm thay đổi định kiến.

Các phóng viên, biên tập viên, người sáng tạo nội dung nên được tập huấn chuyên sâu để hiểu về mô hình xã hội của khuyết tật và quan điểm đa dạng thần kinh rằng rào cản nằm ở xã hội không thích ứng hơn là ở bản thân người khuyết tật. Đơn cử, thay vì dùng khung Bi kịch cá nhân (người tự kỷ là gánh nặng), báo chí nên dùng khung Trách nhiệm xã hội (hệ thống giáo dục hoặc y tế thiếu dịch vụ chuyên biệt). Từ đó, các bài báo sẽ có xu hướng nhấn mạnh giải pháp thay đổi môi trường, nâng cao nhận thức thay vì tập trung miêu tả cá nhân khiếm khuyết.

Báo chí cần tránh giật gân, thương cảm quá mức mà cần tăng các tiêu đề trung tính. Nội dung bài nên cân bằng giữa khó khăn và tiềm năng như nêu gương người tự kỷ làm được việc, đóng góp cho xã hội ở mức phù hợp, để công chúng thấy tự kỷ không đồng nghĩa với vô dụng. Nghiên cứu ở Ba Lan chỉ ra việc phóng đại thành tựu của người tự kỷ (như kỳ tích) có thể vô tình nhấn mạnh họ kém cỏi vì làm được việc bình thường cũng thành phi thường⁽⁴⁷⁾. Thay vì thế, báo chí đưa tin về thành công của người tự kỷ một cách bình thường hóa.

Dù báo chí Việt Nam đã có bước đầu tiếp cận chủ đề tự kỷ nhưng thông tin còn rời rạc, thiếu định hướng chiến lược và chưa thực sự phù hợp với từng nhóm công chúng. Mô hình truyền thông phân tầng là cần thiết để nâng cao hiệu quả lan tỏa nhận thức và thúc đẩy thay đổi xã hội. Theo đó, đối với phụ huynh, báo chí cần đẩy mạnh các chuyên mục cung cấp tri thức thực tiễn nhận biết dấu hiệu sớm, địa chỉ chẩn đoán đáng tin cậy, mô hình can thiệp hiệu quả, kinh nghiệm hỗ trợ con tại nhà. Đồng thời, nên có các tuyến bài hoặc lồng ghép các hỗ trợ tâm lý, giúp phụ huynh vượt qua mặc cảm, lo âu, từ đó chủ động tìm kiếm trợ giúp thay vì giấu giếm. Với giáo viên và trường

học, cần phát triển các tuyến bài về giáo dục hòa nhập nhằm chia sẻ mô hình lớp học thân thiện, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, hỗ trợ hành vi và giao tiếp... giúp giáo viên phổ thông có thêm kinh nghiệm để hỗ trợ học sinh tự kỷ một cách hiệu quả hơn. Đối với nhà hoạch định chính sách, nên nâng cao năng lực phản biện xã hội qua các bài viết chuyên sâu nêu vấn đề, phân tích dữ liệu, đối chiếu kinh nghiệm quốc tế... nhất là các báo ngành hoặc tạp chí khoa học, góp phần cung cấp luận cứ cho việc hoàn thiện chính sách công. Với đại chúng, trọng tâm là giảm kỳ thị. Tăng cường kể lại câu chuyện người tự kỷ một cách tích cực, nhân văn sẽ góp phần hình thành góc nhìn đa chiều và thúc đẩy sự bao dung xã hội. Các thông điệp nhấn mạnh quyền được hòa nhập, tôn trọng và phát triển sẽ giúp định hình cách tiếp cận tự kỷ trên nền tảng nhân quyền và công bằng xã hội.

Truyền thông về tự kỷ không thể giải quyết chỉ trong một vài bài báo lẻ mà cần có những chuyên trang, chuyên mục thường xuyên cập nhật thông tin về tự kỷ. Các cơ quan báo chí lớn có thể phối hợp với tổ chức chuyên môn để thực hiện loạt chương trình dài hạn với sự lặp lại đều đặn sẽ dần cải thiện nhận thức cộng đồng theo thời gian. Ngoài ra, có thể sản xuất các infographics, video ngắn rồi chia sẻ trên các nền tảng số để tiếp cận giới trẻ như nhóm có thể là cha mẹ tương lai cần kiến thức, hoặc đơn giản để họ có cái nhìn cởi mở hơn với bạn bè cùng trang lứa mắc tự kỷ.

Người làm báo cần được nâng cao hiểu biết và đạo đức khi tác nghiệp về đề tài tự kỷ, theo đó, các cơ sở đào tạo báo chí và tòa soạn nên có hướng dẫn về cách đưa tin về người yếu thế, trong đó có nhóm tự kỷ. Phóng viên cần được lưu ý tôn trọng quyền riêng tư, xin phép khi chụp hình, đổi tên nếu cần bảo mật danh tính, tránh những câu hỏi gợi tổn thương khi phỏng vấn phụ huynh/người tự kỷ. Đồng thời, nên có chuyên gia cố vấn nội dung để đảm bảo thông tin khoa học chính xác, tránh trường hợp báo đăng thuốc đông y chữa khỏi tự kỷ do thiếu hiểu biết gây hậu quả nghiêm trọng. Đạo đức nghề nghiệp đòi hỏi báo chí không lợi dụng câu chuyện tự kỷ để câu view hay thương mại hóa sự thương cảm mà là nhiệm vụ góp phần xây dựng xã hội nhân văn vì sự phát triển.

Báo chí là công cụ quyền lực trong việc kiến tạo nhận thức xã hội và định hướng hành vi công chúng. Đối với lĩnh vực rối loạn phổ tự kỷ, báo chí đóng vai trò cầu nối thông tin, mang chủ đề từ bóng tối ra ánh sáng, tạo diễn đàn thảo luận, qua đó góp phần cải

thiện nhận thức cộng đồng về tự kỷ. Tại Việt Nam, báo chí đã chuyển tự kỷ từ khái niệm xa lạ thành vấn đề được xã hội ghi nhận, góp phần thúc đẩy sự ra đời của văn bản pháp lý đầu tiên công nhận tự kỷ là một dạng khuyết tật⁽⁴⁸⁾. Tuy nhiên, vẫn tồn tại định kiến, khuôn mẫu bất lợi trong cách đưa tin; chưa khai thác hết vai trò vận động chính sách; chưa trao tiếng nói xứng đáng cho chính người tự kỷ. Điều này cho thấy báo chí vừa là tấm gương phản chiếu định kiến xã hội lại vừa có thể là đòn bẩy để thay đổi định kiến đó.

Để báo chí thật sự trở thành người đồng hành vì sự phát triển trong câu chuyện tự kỷ, cần chiến lược truyền thông tổng thể, phối hợp nhiều bên, kiên trì và nhân văn. Khi báo chí thông tin chính xác, công bằng và xây dựng, công chúng sẽ hiểu biết hơn, kỳ thị giảm đi, ủng hộ tăng lên. Khi báo chí đặt vấn đề đúng chỗ, nhà quản lý sẽ có thêm động lực hoàn thiện chính sách hỗ trợ người tự kỷ. Khi báo chí tạo không gian cho người tự kỷ tự kể chuyện, sẽ xóa dần rào cản vô hình, tiến đến xã hội bao trùm hơn. Đích đến là người tự kỷ sẽ không còn bị xem là vấn đề riêng tư mà được coi là một phần của sự đa dạng con người và cộng đồng sẽ chung tay hỗ trợ họ phát huy tối đa tiềm năng. Để đến được đích đó, truyền thông và báo chí là nhân tố then chốt, vừa phản ánh vừa kiến tạo sự phát triển./.

Tài liệu tham khảo

- (1), (2), (3), (33), (37), (40), (41) An Hà, Lê Nguyễn (2025), Sửa luật, tạo chính sách chuyên biệt cho trẻ, Báo Nhân Dân điện tử, Thứ Sáu, ngày 28/03/2025 - 17:11. <https://nhandan.vn/sua-luat-tao-chinh-sach-chuyen-biet-cho-tre-post868305.html>.
- (4), (1), (22), (26), (27), (31) Bie, B., & Tang, L., (2015), Representation of autism in leading newspapers in China: A content analysis, Health Communication, 30(9), 884 - 893. DOI: [10.1080/10410236.2014.889063](https://doi.org/10.1080/10410236.2014.889063).
- (5), (11), (12), (13), (16), (17) Hungerford, C., Kornhaber, R., West, S., & Cleary, M (2025), Autism, Stereotypes, and Stigma: The Impact of Media Representations, Issues in Mental Health Nursing, 46(3), 254 - 260. [10.1080/01612840.2025.2456698](https://doi.org/10.1080/01612840.2025.2456698).
- (6), (35), (43) Nguyễn Văn Dũng (2020), Hướng đi nào cho báo chí trong môi trường truyền thông số (Nhìn từ trường hợp báo chí Việt Nam), Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị và Truyền thông, Thứ năm, 20:57 24/12/2020 tại <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/huong-di-nao-cho-bao-chi-trong-moi-truong-truyen-thong-so-nhin-tu-truong-hop-bao-chi-viet-nam-p24015.html>.
- (7), (8), (9), (10), (18), (28), (29), (32), (34), (42) Nguyen Yen Khanh (2023), Representation of autism in Vietnamese digital news media: A computational corpus and framing analysis. Communication Research

and Practice. 9(2), 142–158. <https://doi.org/10.1080/22041451.2023.2167510>.

(14), (20), (21), (23), (24), (25), (44), (45), (46), (47) Wodziński, M, Kamińska, N., & Moskalewicz, M. (2025). The image of autism in the Polish press 2009 – 2020 and the role of first-person testimonies, BMC Psychiatry, 25(1), 137. <https://doi.org/10.1186/s12888-024-06374-y>.

(19) Singer, J. (2016). Neurodiversity: The birth of an idea. Amazon Digital Services LLC.

(36), (38), (39), (48) VTV (2019), Rối loạn phổ tự kỷ được xếp vào Dạng khuyết tật khác, VTV News đăng 01/07/2019 11:50 GMT+7 tại <https://vtv.vn/trong-nuoc/roi-loan-pho-tu-ky-duoc-xep-vao-dang-khuyet-tat-khac-20190701104844218.htm>.

(30) Someki, F., Torii, M., Brooks, P. J., & Koizumi, R (2018), Stigma associated with autism among college students in Japan and the United States: An online training study, Research in Developmental Disabilities, 76, 88–98. <https://doi.org/10.1016/j.ridd.2018.02.016>.